

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO**Đánh giá tác động của chính sách đối với dự thảo
Luật Quản lý thuế (thay thế)****I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ****1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 13/6/2019 (*thay thế cho Luật năm 2006 và các Luật sửa đổi, bổ sung*), gồm 17 chương, 152 điều, với hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020. Luật Quản lý thuế được ban hành và triển khai thực hiện trong bối cảnh Cơ quan thuế đang từng bước thực hiện các chiến lược cải cách hiện đại hoá hệ thống thuế qua các giai đoạn: Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020 theo Quyết định số 732/2011/QĐ-TTg ngày 17/5/2011; Chiến lược cải cách hiện đại hoá hệ thống thuế đến năm 2030 theo Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ với nội dung xây dựng ngành thuế Việt Nam hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ; trọng tâm của công tác quản lý thuế dựa trên nền tảng thuế điện tử và 3 trụ cột cơ bản gồm (1) Thể chế quản lý thuế đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; (2) Nguồn nhân lực chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới; (3) Công nghệ thông tin hiện đại, tích hợp, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong bối cảnh nền kinh tế số.

Qua quá trình triển khai thực hiện, Luật Quản lý thuế đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt kinh tế - xã hội của đất nước và đạt được mục tiêu đề ra khi ban hành Luật. Tuy nhiên, trong tiến trình phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế những năm gần đây và do sự biến động nhanh của nền kinh tế - chính trị thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, đã phát sinh một số điểm hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu đề ra soát, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn, tháo gỡ vướng mắc và tạo thuận lợi hơn nữa cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo tính minh bạch, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) 10 năm giai đoạn 2021 – 2030 và Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm giai đoạn 2021-2025, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KT-XH và định hướng cải cách hệ thống chính sách thuế như sau:

“Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế và áp dụng mức thuế suất hợp lý, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, đồng thời góp phần thiết lập môi trường cạnh tranh phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế”.

“... Mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính công bằng, trung lập của chính sách thuế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ các thủ tục nộp thuế, phí của người dân và doanh nghiệp”.

Tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia vay và trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp về cải cách hệ thống chính sách thuế như sau: *“Thực hiện các giải pháp khả thi để đạt tỷ lệ huy động cao hơn vào ngân sách nhà nước, khai thác các dư địa thu, mở rộng và chống xói mòn cơ sở thuế, đẩy mạnh chống thất thu, phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế dưới 5% tổng thu ngân sách nhà nước.... Hạn chế việc lồng ghép các chính sách xã hội trong pháp luật về thuế. Rà soát, hoàn thiện các quy định ưu đãi thuế để tránh thất thu, bảo đảm minh bạch, công bằng, khả thi, phù hợp với xu thế phát triển và thông lệ quốc tế....”*

Tại Nghị quyết số 101/2023/QH15 về kỳ họp thứ 5 và Nghị quyết số 110/2023/QH15 về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV, Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô đã đề ra nhiệm vụ:

Tổ chức rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trọng tâm là pháp luật về đầu thầu, đấu giá, quy hoạch, đầu tư công, quản lý, sử dụng đất đai, tài sản công, ngân sách nhà nước, tài chính công, hợp tác công tư, xã hội hóa các dịch vụ công, đầu tư, môi trường, xây dựng, kinh doanh bất động sản, ngân hàng, tài chính, tự chủ tài chính, chứng khoán, trái phiếu, doanh nghiệp, giám định, định giá và các lĩnh vực khác đã được các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án kiến nghị, đề xuất hoặc có nhiều vướng mắc được các địa phương, người dân, doanh nghiệp kiến nghị; phát hiện, xác định cụ thể những quy định có mâu thuẫn, chồng chéo, sơ hở, bất cập, những vấn đề vướng mắc trong các luật và văn bản dưới luật có liên quan, báo cáo Quốc hội kết quả rà soát tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV; kịp thời chỉ đạo sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền các văn bản dưới luật không còn phù hợp hoặc kiến nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các luật, nghị quyết có liên quan.

Văn kiện Đại hội XIII xác định, đến năm 2025 kinh tế số đạt tỷ trọng 20% GDP, đến năm 2030 kinh tế số chiếm khoảng 30% GDP. Để đạt mục tiêu trên, Văn kiện cũng nhấn mạnh yêu cầu cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, phát triển các ngành, lĩnh vực, các doanh nghiệp trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu của khoa học công nghệ, nhất là cuộc cách mạng công nghệ 4.0; tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ

chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển kinh tế số, xã hội số. Phát triển mạnh hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia, vùng, địa phương kết nối đồng bộ, thống nhất, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số...

Trên cơ sở hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác năm 2024 của ngành Thuế, tổng thu NSNN năm 2024 do cơ quan thuế quản lý đạt 1.732.800 tỷ đồng, bằng 116,5% dự toán (tương ứng vượt 245.588 tỷ), bằng 113,7% so với thực hiện năm 2023, góp phần để Chính phủ có thêm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, góp phần hoàn thành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2021-2025, hướng tới Đại hội XIV của Đảng.

Như vậy, Đảng và Nhà nước có nhiều chủ trương, chính sách mới như khuyến khích đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị...; đồng thời nền kinh tế có nhiều biến động, Luật Quản lý thuế năm 2019 đã bộc lộ một số hạn chế nhất định. Vì vậy, để đảm bảo mục tiêu cải cách thể chế một cách toàn diện, khơi thông các điểm nghẽn, góp phần vào việc phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, cần thiết phải tiến hành nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật Quản lý thuế năm 2019.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

a) Mục tiêu chung

- Đảm bảo phù hợp với các quan điểm, mục tiêu, định hướng về cải cách, đổi mới công tác quản lý thuế đã được xác định trong các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước và Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

- Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Đảm bảo ổn định nguồn thu NSNN.

- Thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô.

- Đảm bảo mục tiêu hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với thông lệ quốc tế và xu hướng phát triển, tạo hành lang pháp lý cho việc tham gia các sáng kiến về thuế quốc tế.

- Hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong pháp luật thuế và chính sách miễn, giảm, bảo đảm tính trung lập của thuế, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, đồng thời, góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công bằng, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy cạnh tranh, điều tiết thu nhập hợp lý, phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế.

- Xây dựng ngành Thuế Việt Nam hiện đại, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; công tác quản lý thuế, phí và lệ phí thống nhất, minh bạch, chuyên sâu, chuyên nghiệp theo phương pháp quản lý rủi ro, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ

thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ của người dân và doanh nghiệp.

- Hoàn thành vượt mức nhiệm vụ thu NSNN năm 2025, động viên đầy đủ, kịp thời các nguồn thu tiềm năng, còn thất thu vào NSNN.

b) Mục tiêu cụ thể

- Tiếp tục thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối, quan điểm đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Kết luận số 64-KL/TW ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về kinh tế - xã hội năm 2023 - 2024, Kết luận số 19-KL/TW ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quốc hội khóa XV và các Nghị quyết, kết luận khác của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và Chính phủ.

- Hoàn thành sắp xếp tổ chức bộ máy đảm bảo vận hành thông suốt sau khi sắp xếp, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết 18-NQ/TW. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và chuẩn bị các điều kiện cần thiết sẵn sàng cho tổ chức bộ máy mới vận hành trơn tru sau khi sắp xếp tinh gọn, không được để khoảng trống ảnh hưởng tới việc phục vụ người dân, doanh nghiệp. Kịp thời nắm bắt các vướng mắc của người nộp thuế để giải đáp, tháo gỡ.

- Quan điểm xuyên suốt trong quá trình xây dựng Luật Quản lý thuế (sửa đổi) là đổi mới toàn diện hoạt động quản lý thuế nhằm xây dựng ngành thuế Việt Nam hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, công tác quản lý thuế thống nhất, công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện dựa trên ba nền tảng cơ bản: thể chế chính sách thuế minh bạch, quy trình thủ tục hành chính thuế đơn giản, khoa học phù hợp với thông lệ quốc tế; nguồn nhân lực có chất lượng, liêm chính; ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, có tính liên kết, tích hợp, tự động hóa cao.

- Khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Luật quản lý thuế; tháo gỡ bất cập, chồng chéo trong hệ thống pháp luật quản lý thuế và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các pháp luật liên quan; bảo đảm tính khả thi, minh bạch và thuận lợi cho tổ chức thực hiện.

- Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn và đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng và cấp ủy các cấp; Sửa đổi, bổ sung những quy định nhằm góp phần phục vụ chiến lược hội nhập quốc tế, hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước đã đề ra; phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về thuế và chuẩn bị cơ sở pháp luật để phục vụ hội nhập trong giai đoạn tới.

- Đổi mới các nội dung và các điều luật theo hướng gia tăng các quy định nhằm cải cách thủ tục hành chính; cải cách thủ tục quản lý thuế theo hướng đơn giản, rõ ràng, công khai, thuận tiện, thống nhất, đảm bảo phù hợp với chuẩn mực quốc tế, thực hiện quản lý thuế điện tử, tạo môi trường thuận lợi cho người nộp

thuế tuân thủ pháp luật về thuế, tự giác nộp đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước.

- Nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế để phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế; tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan với cơ quan thuế trong việc thực hiện pháp luật về thuế và quản lý thuế.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) toàn diện, áp dụng công nghệ hiện đại và phát triển các ứng dụng CNTT (Ứng dụng triết để CSDL lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI), máy học (ML),...) vào các khâu, các bước công tác quản lý thuế.

- Hỗ trợ doanh nghiệp và người nộp thuế thông qua việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế, minh bạch hóa thông tin.

Để thực hiện các mục tiêu trên thì cần rà soát, sửa đổi tổng thể Luật Quản lý Thuế nhằm đáp ứng yêu cầu tăng trưởng 2 con số trong giai đoạn 2025-2030, phát triển bền vững của nền kinh tế, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế, tạo điều kiện cho NNT và bảo đảm công bằng minh bạch trong thực hiện nghĩa vụ thuế.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

1.1. Đánh giá tác động các giải pháp:

1.1.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định như hiện nay

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Tính hợp hiến và hợp pháp:

Ưu điểm: Việc giữ nguyên các quy định hiện hành về thủ tục hành chính thuế đảm bảo tính ổn định và liên tục của hệ thống pháp luật. Không phải sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật, tránh được chi phí và thời gian soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản mới. Đảm bảo tính ổn định của hệ thống pháp luật, tránh gây xáo trộn cho người áp dụng pháp luật.

Nhược điểm: Không phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW, Nghị quyết 18-NQ/TW về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy. Đặc biệt, 2016 là năm mà số lượng TTHC thuế được bãi bỏ nhiều nhất với 92 thủ, cho thấy xu hướng cải cách đã diễn ra mạnh mẽ và việc dừng lại sẽ đi ngược xu thế.

- Tính thống nhất với hệ thống pháp luật:

Ưu điểm: Các cơ quan nhà nước và người nộp thuế đã quen thuộc với hệ thống hiện tại, không phải đào tạo lại hoặc cập nhật kiến thức mới.

Nhược điểm: Không đồng bộ với Luật Giao dịch điện tử, Luật Chính phủ điện tử khi nhiều thủ tục vẫn yêu cầu nộp hồ sơ giấy. Mâu thuẫn với quy định mới về sử dụng căn cước công dân thay mã số thuế từ 01/7/2025.

- Tính tương thích với điều ước quốc tế

Ưu điểm: Không phải điều chỉnh các cam kết hiện có, tránh rủi ro vi phạm cam kết trong quá trình chuyển đổi.

Nhược điểm: Không cải thiện được thứ hạng về môi trường kinh doanh, ảnh hưởng đến uy tín và khả năng thu hút đầu tư. Không đáp ứng chuẩn mực quốc tế về quản lý thuế hiện đại. Làm giảm sức cạnh tranh so với các nước trong khu vực đã và đang cải cách mạnh mẽ thủ tục thuế.

b) Tác động về kinh tế, xã hội:

- Chi phí tuân thủ và tác động đến doanh nghiệp

Ưu điểm: Doanh nghiệp không phải thay đổi quy trình, phần mềm kế toán hiện tại. Không phát sinh chi phí đào tạo nhân viên về quy định mới. Tránh được sai sót trong giai đoạn chuyển đổi có thể dẫn đến phạt thuế.

Nhược điểm: Doanh nghiệp vẫn phải chịu chi phí tuân thủ cao, ước tính mất hàng trăm giờ làm việc mỗi năm cho việc kê khai thuế. Đặc biệt bất lợi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa phải thuê dịch vụ kế toán bên ngoài với chi phí cao. Không khuyến khích doanh nghiệp chính thức hóa hoạt động, duy trì tình trạng kinh tế ngầm.

- Tác động đến thu ngân sách

Ưu điểm: Đảm bảo nguồn thu ổn định trong ngắn hạn. Không có rủi ro thất thu do lỗi hệ thống hoặc gian lận trong quá trình chuyển đổi. Cơ quan thuế đã có kinh nghiệm quản lý với hệ thống hiện tại.

Nhược điểm: Khó mở rộng cơ sở thuế do thủ tục phức tạp làm nhiều cá nhân, hộ kinh doanh né tránh đăng ký thuế. Cải cách TTHC ở tất cả các khâu quản lý thuế sẽ góp phần giảm chi phí tuân thủ các pháp luật về thuế cho người dân, DN. Việc không cải cách sẽ bỏ lỡ cơ hội tăng thu từ việc mở rộng diện nộp thuế. Tồn kém chi phí quản lý cho cơ quan thuế do phải duy trì bộ máy công kênh.

c) Tác động về giới (nếu có): Giải pháp không có tác động về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):

Ưu điểm: Người nộp thuế và công chức thuế đã thành thạo các thủ tục hiện hành. Có đầy đủ văn bản hướng dẫn và kinh nghiệm xử lý các tình huống phát sinh. Hệ thống phần mềm hỗ trợ đã ổn định sau nhiều năm vận hành.

Nhược điểm: Mặc dù số lượng thủ tục hành chính thuế đã được cắt giảm khá nhiều, song trên thực tế vẫn có những thủ tục hành chính thuế không thực sự cần thiết. Mỗi loại thuế có thời hạn nộp khác nhau gây khó khăn cho việc quản lý. Nhiều thủ tục trùng lặp thông tin, người nộp thuế phải khai báo nhiều lần. Khó khăn trong việc tích hợp với các hệ thống quản lý khác của Nhà nước.

1.1.2. Giải pháp 2: Nhóm giải pháp cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý thuế, bao gồm: Rà soát, sửa đổi các quy định về thủ tục hành chính chồng chéo, không còn phù hợp hoặc gây khó khăn cho người nộp thuế; Hợp nhất, bãi bỏ các biểu mẫu, thành phần hồ sơ không cần thiết trong các hồ sơ khai thuế, hoàn thuế, miễn, giảm thuế; Rà soát và bãi bỏ các quy định pháp lý yêu cầu thủ tục giấy tờ hoặc can thiệp thủ công không còn phù hợp với mô hình số; Thiết kế quy trình xử lý nội bộ tự động theo hướng cắt giảm trung gian, tăng phân quyền trong xử lý; Triển khai toàn diện thực hiện thủ tục hành chính thuế trên môi trường điện tử; phát triển công dịch vụ công trực tuyến của cơ quan thuế đồng bộ, dễ sử dụng; kết nối chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan thuế, với các cơ quan nhà nước liên quan; Thiết kế quy trình khai thuế, nộp thuế đơn giản dễ thực hiện.

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Tính hợp hiến và hợp pháp

Chính sách cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế hoàn toàn phù hợp với các quy định hiến pháp và pháp luật hiện hành. Chính sách này được xây dựng trên cơ sở Hiến pháp 2013, đặc biệt là Điều 53 về quyền kinh doanh và Điều 59 về nghĩa vụ đóng góp ngân sách. Việc đơn giản hóa thủ tục góp phần thực hiện hiệu quả nguyên tắc “Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh” theo tinh thần Hiến pháp.

Ưu điểm: Chính sách tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc lập pháp, đảm bảo tính minh bạch và công khai trong quản lý thuế. Việc số hóa thủ tục thuế từ 1/7/2022 đã tạo ra khung pháp lý vững chắc cho việc tiếp tục thực hiện quá trình chuyển đổi số trong công tác quản lý thuế.

Nhược điểm: Quá trình sửa đổi, bổ sung pháp luật có thể tạo ra tình trạng chồng chéo tạm thời giữa các quy định cũ và mới, đòi hỏi thời gian thích ứng từ các cơ quan thực thi.

- Tính thống nhất với hệ thống pháp luật

Chính sách được thiết kế đồng bộ với Luật Quản lý thuế 2019, Luật GTGT 2024 (hiệu lực từ 1/7/2025), các văn bản hướng dẫn liên quan và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành sửa đổi có liên quan. Việc rà soát, bãi bỏ các quy định chồng chéo sẽ tạo ra tính nhất quán trong toàn bộ hệ thống pháp luật thuế và nhất quán với hệ thống pháp luật được sửa đổi.

Ưu điểm: Tạo ra sự đồng bộ giữa các luật thuế và giữa pháp luật về quản lý thuế với các pháp luật chuyên ngành khác, giảm thiểu mâu thuẫn và xung đột pháp lý.

Nhược điểm: Cần thời gian để các cơ quan địa phương thống nhất trong việc áp dụng các quy định mới, có thể xuất hiện sự không đồng nhất trong giai đoạn đầu triển khai.

- Tính tương thích với điều ước quốc tế

Chính sách phù hợp với các cam kết của Việt Nam trong WTO, các FTA (đã ký 16 hiệp định thương mại tự do), và các hiệp định tránh đánh thuế hai lần với gần 80 quốc gia.

Ưu điểm: Nâng cao vị thế Việt Nam trong hệ thống thuế quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư nước ngoài.

Nhược điểm: Áp lực tuân thủ các chuẩn mực quốc tế có thể làm tăng chi phí quản lý và đòi hỏi năng lực cao từ đội ngũ công chức thuế.

b) Tác động về kinh tế, xã hội:

- Tác động đến sản xuất kinh doanh

Việc cắt giảm thủ tục hành chính sẽ giảm đáng kể chi phí tuân thủ thuế cho doanh nghiệp. Theo ước tính từ các nghiên cứu quốc tế, doanh nghiệp Việt Nam hiện phải dành khoảng 200-250 giờ/năm để thực hiện các thủ tục thuế, cao hơn trung bình khu vực ASEAN (khoảng 180 giờ).

Ưu điểm:

- Giảm thời gian thực hiện thủ tục thuế cho mỗi doanh nghiệp
- Giảm chi phí tuân thủ
- Tăng năng suất lao động do giải phóng nguồn lực từ công tác hành chính

Nhược điểm: Chi phí đầu tư ban đầu cho việc số hóa và đào tạo nhân lực có thể tạo áp lực tài chính cho các doanh nghiệp nhỏ.

* **Tác động về giới (nếu có):** Giải pháp không có tác động về giới.

* **Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):** Giải pháp trên đã cắt giảm số lượng thủ tục hành chính, đảm bảo thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW.

- Tác động đến môi trường kinh doanh

Việc đơn giản hóa thủ tục góp phần cải thiện đáng kể môi trường kinh doanh. Chỉ số EGDI (E-Government Development Index) của Việt Nam đã đạt 0,7709 điểm năm 2024¹, thuộc nhóm “Rất cao” với 39,4% các quốc gia trên thế giới.

Ưu điểm: Cải thiện thứ hạng cạnh tranh quốc gia, đặc biệt trong lĩnh vực “Thuế” của các bảng xếp hạng quốc tế

Nhược điểm: Khoảng cách số giữa các vùng miền có thể tạo ra bất bình đẳng trong việc tiếp cận dịch vụ thuế điện tử.

- Tác động đến an ninh - quốc phòng

Chính sách góp phần tăng cường an ninh kinh tế thông qua việc minh bạch hóa các giao dịch thuế và giảm thiểu tham nhũng trong khâu thực hiện thủ tục.

¹ Nguồn: <https://vjst.vn/vn/tin-tuc/10562/viet-nam-tang-15-bac-ve-chinh-phu-dien-tu.aspx#:~:text=N%C4%83m%202024%2C%20Vi%E1%BB%87t%20Nam%20%C4%91%C6%B0%E1%BB%A3c,so%20%C4%91%C3%A1nh%20gi%C3%A1%20n%C4%83m%202022>.

Ưu điểm: Hệ thống thuế điện tử giảm 70-80% cơ hội tiếp xúc trực tiếp, hạn chế tham nhũng vặt. Tăng cường truy xuất và giám sát các giao dịch tài chính.

Nhược điểm: Rủi ro an ninh mạng tăng cao, đòi hỏi đầu tư mạnh cho bảo mật thông tin.

c) Tác động về giới (nếu có): Giải pháp không có tác động về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):

Ưu điểm: Việc thực hiện giải pháp này được kỳ vọng sẽ mang lại một sự thay đổi toàn diện và tích cực. Trước hết, việc rà soát để tinh gọn, bãi bỏ các thủ tục hành chính rườm rà và hợp nhất các biểu mẫu kê khai sẽ giúp hệ thống thuế trở nên đơn giản, minh bạch hơn. Điều này trực tiếp giúp rút ngắn đáng kể thời gian xử lý hồ sơ, đặc biệt là các hồ sơ hoàn thuế, tạo điều kiện cho doanh nghiệp quay vòng vốn nhanh hơn. Đồng thời, chất lượng dịch vụ cũng được nâng cao thông qua việc tăng tốc độ phản hồi, hỗ trợ người nộp thuế qua các kênh trực tuyến và nâng cao tỷ lệ giải quyết thủ tục đúng hạn. Song song đó, việc đẩy mạnh tự động hóa các quy trình nội bộ không chỉ giải phóng nguồn nhân lực khỏi các công việc thủ công mà còn góp phần giảm thiểu tối đa việc sử dụng giấy tờ, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Những cải tiến này được kỳ vọng sẽ làm gia tăng sự hài lòng của người nộp thuế, nâng cao tính tự nguyện tuân thủ, giảm chi phí cho doanh nghiệp, và cuối cùng là góp phần cải thiện môi trường kinh doanh và tăng hiệu quả quản lý thu ngân sách nhà nước.

Nhược điểm: Thách thức lớn nhất đến từ yêu cầu về một nguồn vốn đầu tư đáng kể cho nền tảng công nghệ trong giai đoạn đầu, cùng với đó là chi phí vận hành, bảo trì có thể sẽ tăng lên trong những năm đầu triển khai. Về mặt nhân sự, việc đào tạo lại toàn diện cho đội ngũ cán bộ thuế để thích ứng với công nghệ mới là một nhiệm vụ phức tạp. Trong quá trình chuyển đổi, luôn tồn tại nguy cơ gián đoạn dịch vụ hoặc phát sinh các vấn đề khó kiểm soát. Hơn nữa, không thể bỏ qua rào cản tiếp cận khi một bộ phận người dân, doanh nghiệp có thể gặp khó khăn với dịch vụ số, cũng như sự không đồng đều về hạ tầng công nghệ tại các địa phương. Cuối cùng, áp lực lớn nhất và xuyên suốt nhất chính là việc phải đảm bảo an ninh, an toàn tuyệt đối cho dữ liệu nhạy cảm của người nộp thuế trước các nguy cơ tấn công mạng, đồng thời phải có phương án dự phòng hiệu quả để tránh nguy cơ tê liệt hệ thống khi xảy ra sự cố kỹ thuật.

1.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn

Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 2, lý do: đây là một yêu cầu tất yếu và mang tính chiến lược, hoàn toàn vượt trội so với phương án giữ nguyên các quy định hiện hành. Giải pháp này không chỉ giải quyết dứt điểm những mâu thuẫn, thiếu đồng bộ của hệ thống cũ với các định hướng cải cách lớn như Nghị quyết 68-NQ/TW, Nghị quyết 18-NQ/TW... và xu thế chuyển đổi số quốc gia, mà còn tạo ra động lực đột phá cho toàn bộ nền kinh tế. Bằng cách giảm thiểu đáng kể chi phí và thời gian tuân thủ cho doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, giải pháp này sẽ giải phóng nguồn lực quan trọng để đầu tư vào sản xuất

kinh doanh, thúc đẩy sự phát triển và khuyến khích kinh tế chính thức hóa. Hơn nữa, việc hiện đại hóa, điện tử hóa toàn diện và tiệm cận các chuẩn mực quốc tế sẽ trực tiếp nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, cải thiện môi trường đầu tư và khẳng định uy tín của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập sâu rộng. Mặc dù có những thách thức ban đầu về chi phí triển khai, nhưng đây là khoản đầu tư cần thiết cho một tương lai phát triển bền vững, bởi lợi ích về kinh tế - xã hội và vị thế quốc gia mà nó mang lại là vô cùng to lớn và lâu dài.

2. Chính sách 2: Nhóm chính sách đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý thuế

2.1. Đánh giá tác động các giải pháp:

2.1.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định như hiện nay

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Ưu điểm:

Việc giữ nguyên các quy định hiện tại đảm bảo tính liên tục và ổn định của hệ thống pháp luật thuế. Trong bối cảnh ngành thuế đang thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy từ 20 Chi cục thuế khu vực lên 34 Thuế tỉnh thành phố và 350 Đội thuế thành 350 thuế cơ sở theo Kết luận số 160-KL/TW ngày 31/5/2025, việc không thay đổi thêm các quy định về phân cấp phân quyền sẽ tránh tình trạng lúng túng trong quá trình chuyển đổi.

Các quy định hiện tại đã được thử nghiệm và điều chỉnh qua nhiều năm thực hiện, có tính khả thi cao và được cán bộ thuế nắm vững. Việc giữ nguyên sẽ tránh rủi ro từ những quy định mới chưa được kiểm chứng thực tiễn. Các quy định hiện hành về phân cấp quản lý thuế đã được xây dựng phù hợp với chuẩn mực quốc tế về thuế theo cam kết hội nhập. Việc duy trì sẽ đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết.

Nhược điểm:

Việc giữ nguyên quy định sẽ không mở rộng thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính cho Bộ Tài chính. Hiện tại, nhiều vấn đề phức tạp về thuế quốc tế, chuyển giá, thuế đối với các tập đoàn đa quốc gia, xóa nợ vẫn phải trình Thủ tướng Chính phủ, làm kéo dài thời gian xử lý và ảnh hưởng đến môi trường đầu tư.

Việc không sửa đổi sẽ duy trì tình trạng chồng chéo, thiếu rõ ràng trong phân định trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước. Cụ thể, trong công tác quản lý thuế đối với bất động sản, vẫn còn sự phối hợp chưa chặt chẽ giữa cơ quan thuế với cơ quan đăng ký đất đai, công chứng.

Trong bối cảnh Đảng và Nhà nước đẩy mạnh chính sách phân cấp, phân quyền theo Nghị quyết 18-NQ/TW, việc không sửa đổi các quy định về phân cấp quản lý thuế sẽ tạo ra sự bất đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

b) Tác động về kinh tế, xã hội:

Ưu điểm:

Với kết quả thu ngân sách năm 2024 đạt 1.732.800 tỷ đồng, vượt 16,5% dự toán, việc giữ nguyên quy định hiện tại có thể đảm bảo ổn định nguồn thu trong ngắn hạn. Mức độ hài lòng của người nộp thuế đạt 88,3% năm 2024², tiệm cận mục tiêu 90% trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030.

Đồng thời, việc không thay đổi quy định sẽ tiết kiệm chi phí đào tạo, tuyên truyền và triển khai cho cả cơ quan thuế và người nộp thuế.

Nhược điểm:

Việc không mở rộng thẩm quyền cho Bộ Tài chính khiến nhiều thủ tục liên quan đến thuế quốc tế, chuyển giá, chia sẻ thông tin thuế với nước ngoài vẫn phải trình cấp cao hơn

Việc không phân định rõ trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước dẫn đến tình trạng “đùn đẩy” trách nhiệm

c) Tác động về giới (nếu có):

Giải pháp không có tác động về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):

Ưu điểm:

Cán bộ thuế và người nộp thuế đã quen thuộc với các thủ tục hiện hành. Việc không thay đổi đảm bảo tính liên tục trong cung cấp dịch vụ.

Việc thay đổi thẩm quyền và quy trình đòi hỏi thời gian đào tạo và làm quen. Trong giai đoạn 2025 với áp lực hoàn thành dự toán thu 1.719.556 tỷ đồng và sẽ tiếp tục yêu cầu tăng dự toán thu năm 2026, việc giữ ổn định quy trình sẽ tránh rủi ro gián đoạn trong hoạt động thu thuế.

Đội ngũ cán bộ đã thành thạo các quy trình hiện tại, việc không thay đổi sẽ phát huy tối đa năng lực sẵn có mà không cần đầu tư thêm vào đào tạo chuyển đổi.

Nhược điểm:

Việc không mở rộng thẩm quyền cho Bộ Tài chính khiến nhiều thủ tục vẫn phải qua nhiều cấp phê duyệt. Việc không phân định rõ trách nhiệm các cơ quan nhà nước dẫn đến tình trạng người nộp thuế phải làm việc với nhiều cơ quan khác nhau cho cùng một vấn đề. Hơn thế nữa, việc không có cơ chế phân định trách nhiệm rõ ràng cản trở việc kết nối dữ liệu giữa các cơ quan.

2.1.2 Giải pháp 2: Nhóm giải pháp đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý thuế, bao gồm: (i) phân quyền thẩm quyền quyết định về quản lý thuế cho Bộ Tài chính: quy định rõ ràng và mở rộng thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính; (ii) Phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ: chia trách nhiệm,

² Nguồn: <https://haiquanonline.com.vn/huong-den-phan-cap-quan-ly-thuc-theo-mo-hinh-to-chuc-moi-195500.html#:~:text=K%E1%BA%BF%20qu%E1%BA%A3%20kh%E1%BA%A3o%20s%C3%A1t%20n%C4%83m,ph%E1%BB%A5c%20v%E1%BB%A5%20ng%C6%B0%E1%BB%9D%E1%BB%99p%20thu%E1%BA%BF>.

quyền hạn giữa các cấp quản lý thuế để tăng cường hiệu quả công tác, giảm tải cho các cơ quan quản lý trung ương và tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế;
(iii) Phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có liên quan trong công tác quản lý thuế

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

- Tính hợp hiến và hợp pháp

Nhóm giải pháp phân cấp, phân quyền trong quản lý thuế hoàn toàn phù hợp với Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về “đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phù hợp với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế”. Giải pháp này thể hiện tính hợp hiến khi tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ và phân công, phối hợp thống nhất theo Hiến pháp 2013.

Ưu điểm: Việc phân quyền thẩm quyền quyết định cho Bộ Tài chính sẽ tạo hành lang pháp lý rõ ràng, giảm tình trạng chồng chéo thẩm quyền hiện nay.

Nhược điểm: Có thể phát sinh xung đột thẩm quyền giữa các cấp quản lý trong giai đoạn chuyển tiếp.

- Tính thống nhất với hệ thống pháp luật

Giải pháp phân cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ đòi hỏi sửa đổi đồng bộ các văn bản từ Luật đến Nghị định, Thông tư. Việc xây dựng Luật Quản lý thuế thay thế nhằm “đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý thuế, đơn giản hóa các thủ tục hành chính” sẽ đảm bảo tính thống nhất.

Ưu điểm: Tạo hệ thống pháp luật đồng bộ, rõ ràng về phân cấp quản lý thuế.

Nhược điểm: Cần thời gian dài để hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành, có thể tạo khoảng trống pháp lý tạm thời.

- Về tính tương thích với điều ước quốc tế

Việc phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong quản lý thuế phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về quản lý thuế hiện đại của OECD. Đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Việt Nam tham gia các sáng kiến thuế quốc tế như BEPS 2.0.

Ưu điểm: Nâng cao năng lực hội nhập, đáp ứng yêu cầu về minh bạch thông tin thuế quốc tế.

Nhược điểm: Đòi hỏi đầu tư lớn về công nghệ và đào tạo để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế nghiêm ngặt.

b) Tác động về kinh tế, xã hội:

- Về tác động đối với sản xuất, kinh doanh

Phân cấp thẩm quyền quyết định sẽ rút ngắn đáng kể thời gian giải quyết thủ tục thuế. Với thu ngân sách nhà nước năm 2024 đạt 1.732.000 tỷ đồng, vượt

245.588 tỷ đồng so với dự toán, việc cải thiện môi trường thuế sẽ góp phần duy trì đà tăng trưởng này.

Ưu điểm: Giảm chi phí tuân thủ thuế cho doanh nghiệp, tiết kiệm thời gian và chi phí liên quan đến thủ tục thuế. Khuyến khích đầu tư, đặc biệt trong bối cảnh áp lực dự toán thu ngân sách hàng năm phải cao hơn năm trước.

Nhược điểm: Giai đoạn đầu có thể gây gián đoạn dịch vụ trong quá trình chuyển đổi mô hình tổ chức để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Về tác động đối với môi trường đầu tư

Phân cấp hiệu quả sẽ cải thiện đáng kể môi trường đầu tư kinh doanh.

Ưu điểm: Nâng cao hiệu quả phục vụ nhà đầu tư, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn.

Nhược điểm: Đòi hỏi đầu tư lớn về hạ tầng công nghệ và đào tạo nhân lực để đảm bảo chất lượng dịch vụ trong mô hình mới.

c) Tác động về giới (nếu có):

Giải pháp không có tác động về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):

Việc thiết lập các thủ tục hành chính mới phục vụ mô hình phân cấp là hoàn toàn cần thiết. Luật Quản lý thuế sửa đổi tập trung vào “cải cách thủ tục hành chính, đơn giản, rõ ràng, thống nhất, thực hiện quản lý thuế điện tử”.

Ưu điểm: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính bằng các giải pháp thiết thực như sử dụng thông tin mà cơ quan thuế đã có.

Nhược điểm: Chi phí đầu tư ban đầu cao cho việc xây dựng hệ thống thủ tục mới và đào tạo cán bộ.

Tác động đến chi phí tuân thủ

Việc phân cấp hiệu quả sẽ giảm đáng kể chi phí tuân thủ cho người nộp thuế, đặc biệt trong bối cảnh thu thuế thu nhập cá nhân tăng 17,2% năm 2024 chủ yếu từ các hoạt động kinh doanh mới.

Ưu điểm: Giảm chi phí giao dịch, thời gian đi lại của người nộp thuế. Tăng cường ứng dụng công nghệ sẽ giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp trong giai đoạn 2025-2030.

Nhược điểm: Một số doanh nghiệp có thể phải đầu tư thêm vào hệ thống công nghệ để tương thích với các quy trình mới của cơ quan thuế.

2.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn

Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 2, lý do: Giải pháp 2 giải quyết một cách toàn diện và triệt để các nhược điểm cốt lõi mà Giải pháp 1 không thể khắc phục. Trong khi việc giữ nguyên các quy định hiện hành gây ra tình trạng trì trệ, chông

chéo thẩm quyền, kéo dài thời gian xử lý thủ tục và không đồng bộ với chủ trương chung của Nhà nước, thì Giải pháp 2 mở ra một hướng đi cải cách mạnh mẽ. Bằng cách phân quyền quyết định cho Bộ Tài chính và phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan liên quan, giải pháp này trực tiếp tháo gỡ các “nút thắt” về thủ tục hành chính, đặc biệt đối với các vấn đề phức tạp như thuế quốc tế, chuyển giá. Quan trọng hơn, nó hoàn toàn phù hợp với định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước về cải cách bộ máy (Nghị quyết Đại hội XIII, Nghị quyết 18-NQ/TW) và tương thích với các chuẩn mực quốc tế (OECD, BEPS 2.0), nâng cao vị thế của Việt Nam. Về mặt kinh tế, lợi ích mà Giải pháp 2 mang lại là rất cụ thể: dự kiến giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, từ đó cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Mặc dù có những thách thức ban đầu về chi phí và sự xáo trộn trong giai đoạn chuyển tiếp, những lợi ích vượt trội về hiệu quả quản lý, tính minh bạch, và sự phát triển lâu dài đã khẳng định Giải pháp 2 là lựa chọn tối ưu.

3. Chính sách 3: Nhóm chính sách về chuyển đổi số toàn diện và tự động hóa quản lý thuế

3.1. Đánh giá tác động của các giải pháp

3.1.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định hiện nay

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Ưu điểm: Duy trì tính ổn định của hệ thống pháp luật hiện tại, tránh được chi phí và thời gian cho việc điều chỉnh các văn bản hướng dẫn thi hành.

Nhược điểm: Tạo ra mâu thuẫn với chủ trương chuyển đổi số toàn diện trong quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 57-NQ/TW khi các Bộ, ngành đã và đang triển khai chuyển đổi số nhưng Luật Quản lý thuế chưa đáp ứng yêu cầu này.

Thiếu sự đồng bộ với Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã về trách nhiệm của cơ quan đăng ký kinh doanh, đăng ký đầu tư trong việc cấp mới, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận theo cơ chế một cửa liên thông.

Không phù hợp với tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành sau tổ chức lại bộ máy nhà nước theo mô hình mới.

Thiếu tính thống nhất với Luật An ninh mạng, Luật Phòng chống rửa tiền, quy định về thuế tối thiểu toàn cầu, và các quy định về khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06.

b) Tác động về kinh tế - xã hội:

Ưu điểm: Không phát sinh chi phí đầu tư ban đầu cho việc nâng cấp hệ thống công nghệ và đào tạo cán bộ.

Nhược điểm:

Trong bối cảnh kinh tế số dự kiến đạt 30% GDP vào năm 2030, việc không hiện đại hóa hệ thống quản lý thuế sẽ tạo ra thất thu ngân sách nghiêm trọng. Với

mục tiêu đến năm 2030 phải đạt 2 triệu doanh nghiệp theo Nghị quyết 68, hệ thống quản lý truyền thống sẽ không đáp ứng được khối lượng công việc gia tăng.

Chi phí tuân thủ cao do phụ thuộc vào thủ tục giấy tờ sẽ làm giảm năng suất lao động trong lĩnh vực dịch vụ thuế, ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường kinh doanh. Việc không khai thác được dữ liệu lớn và AI sẽ làm mất cơ hội phát hiện các hành vi gian lận thuế tiềm ẩn

Sự thiếu minh bạch trong quản lý thuế điện tử sẽ làm suy giảm niềm tin của doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài, ảnh hưởng đến mục tiêu thu hút vốn FDI trong giai đoạn 2025-2030.

c) Tác động về giới (nếu có): Giải pháp không có tác động về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

Ưu điểm:

Không phát sinh thủ tục hành chính mới, đảm bảo tính quen thuộc cho người nộp thuế hiện tại.

Nhược điểm:

Duy trì các thủ tục phức tạp, không tối ưu hóa, thời gian xử lý hồ sơ thuế lâu hơn so với tiêu chuẩn quốc tế, ảnh hưởng đến xếp hạng ease of doing business của Việt Nam.

3.1.2. Giải pháp 2: Nhóm giải pháp về sửa đổi, bổ sung quy định về chuyển đổi số toàn diện và tự động hóa quản lý thuế, bao gồm:

- Nghiên cứu bổ sung quy định về chuyển đổi số toàn diện trong quản lý thuế tại Luật; quy định nguyên tắc sử dụng công nghệ số trong toàn bộ quy trình quản lý thuế; Luật hóa giá trị pháp lý của hồ sơ, chứng từ điện tử; quyết định hành chính thuế điện tử, chữ ký số và các hình thức giao dịch điện tử; Bổ sung quy định cho phép ra quyết định hành chính thuế tự động trên hệ thống phân tích dữ liệu và tiêu chí đã xây dựng;

- Xây dựng và triển khai hạ tầng công nghệ số thống nhất, đồng bộ: đầu tư phát triển nền tảng quản lý thuế số tập trung đáp ứng tiêu chuẩn kết nối dữ liệu liên ngành; năng lực xử lý lớn và đảm bảo an toàn thông tin; Tích hợp các hệ thống quản lý hiện có vào một hệ sinh thái duy nhất, liên thông với công dịch vụ công quốc gia và các hệ thống ngành khác; phát triển công cụ phân tích dữ liệu phục vụ tự động hóa xử lý, dự báo rủi ro và nhận diện gian lận

- Liên thông dữ liệu giữa ngành thuế và các cơ quan và tổ chức liên quan;;

- Phát triển nguồn nhân lực và thay đổi tư duy quản lý: tổ chức, đào tạo bồi dưỡng kiến thức công nghệ, phân tích dữ liệu, quản trị số cho công chức thuế các cấp; chuyển đổi tư duy từ quản lý thủ công sang quản trị số; lấy dữ liệu làm trung tâm, quy trình làm nền tảng, công nghệ làm công cụ.

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Ưu điểm:

Đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ cao với hệ thống pháp luật, phù hợp với định hướng chuyển đổi số quốc gia và xây dựng Chính phủ điện tử đến năm 2030. Việc sửa đổi sẽ tạo ra hành lang pháp lý vững chắc cho việc triển khai các sáng kiến thuế quốc tế, bao gồm thuế tối thiểu toàn cầu và các quy định chống xói mòn cơ sở thuế.

Sự đồng bộ với Luật Doanh nghiệp và các luật liên quan sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho cơ chế một cửa liên thông, góp phần cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia. Việc cập nhật phù hợp với cơ cấu bộ máy mới sẽ đảm bảo tính hiệu quả trong phân công, phối hợp giữa các cơ quan.

Nhược điểm:

Cần thời gian và chi phí để điều chỉnh các văn bản hướng dẫn thi hành và đào tạo cán bộ thực thi.

b) Tác động về kinh tế - xã hội:

Ưu điểm: Dự kiến tăng nguồn thu ngân sách mỗi năm thông qua việc giảm thất thu và mở rộng cơ sở thuế. Với việc áp dụng AI và Big Data, khả năng phát hiện gian lận thuế sẽ tăng lên, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại điện tử, chuyển giá, giao dịch liên kết....

Việc kết nối dữ liệu với ngân hàng thương mại và các sàn thương mại điện tử sẽ giúp cơ quan thuế giám sát hiệu quả hàng chục triệu giao dịch điện tử mỗi ngày. Hệ thống hoàn thuế tự động sẽ rút ngắn thời gian xử lý từ 15-20 ngày xuống 3-5 ngày, giúp doanh nghiệp, người nộp thuế tiết kiệm chi phí tài chính.

Ứng dụng blockchain trong quản lý hóa đơn điện tử sẽ giảm 9 các trường hợp gian lận hóa đơn, góp phần tạo môi trường kinh doanh minh bạch và công bằng. Việc triển khai cổng dịch vụ thuế điện tử thống nhất sẽ phục vụ hơn 1,2 triệu doanh nghiệp và 30 triệu cá nhân nộp thuế, nâng cao trải nghiệm người dùng và giảm chi phí tuân thủ.

Nhược điểm:

Chi phí đầu tư ban đầu là rất lớn cho việc nâng cấp hạ tầng công nghệ và đào tạo nhân lực. Có thể gây gián đoạn tạm thời trong giai đoạn chuyển đổi hệ thống.

c) Tác động về giới (nếu có): Giải pháp không có tác động về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):***Ưu điểm:***

Giảm số lượng thủ tục hành chính liên quan đến thuế thông qua việc tự động hóa và số hóa quy trình. Việc liên thông dữ liệu sẽ loại bỏ hoàn toàn các loại giấy tờ hiện đang yêu cầu từ người nộp thuế.

Hệ thống một cửa điện tử sẽ cho phép người nộp thuế hoàn thành các thủ tục trực tuyến, tiết kiệm thời gian và chi phí so với phương thức truyền thống. Cơ chế

hoàn thuế tự động sẽ giảm thiểu các thủ tục thủ công hiện tại.

Nhược điểm:

Giai đoạn đầu có thể gặp khó khăn kỹ thuật và cần thời gian để người dùng làm quen với hệ thống mới. Cần đầu tư mạnh vào an ninh mạng để đảm bảo bảo mật thông tin.

3.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 2, lý do:

Việc duy trì các quy định hiện hành (Giải pháp 1) sẽ tạo ra sự lạc hậu và mâu thuẫn nghiêm trọng với chủ trương chuyển đổi số quốc gia, kìm hãm sự phát triển và gây thất thu lớn cho ngân sách nhà nước trong bối cảnh kinh tế số ngày càng chiếm tỷ trọng cao. Ngược lại, Giải pháp 2 tạo ra một hành lang pháp lý vững chắc, đồng bộ hóa Luật Quản lý thuế với các luật liên quan và các cam kết quốc tế như thuế tối thiểu toàn cầu, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường đầu tư. Về mặt kinh tế - xã hội, giải pháp này mang lại lợi ích vượt trội khi ứng dụng công nghệ hiện đại như AI và Big Data để tăng cường hiệu quả quản lý, chống gian lận và thất thu thuế, đặc biệt trong các lĩnh vực mới như thương mại điện tử. Hơn nữa, việc tự động hóa các quy trình như hoàn thuế và triển khai công dịch vụ thuế điện tử thống nhất sẽ giúp giảm đáng kể chi phí tuân thủ, tiết kiệm thời gian cho hơn một triệu doanh nghiệp và hàng chục triệu cá nhân, tạo ra một môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng và hiện đại. Mặc dù có những thách thức về chi phí đầu tư ban đầu và yêu cầu thay đổi trong giai đoạn chuyển tiếp, những lợi ích lâu dài về kinh tế, xã hội và hiệu quả quản lý nhà nước mà Giải pháp 2 mang lại là không thể phủ nhận, đặt nền móng cho một hệ thống quản lý thuế tiên tiến, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

4. Chính sách 4: Đổi mới phương pháp quản lý đối với doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

4.1. Đánh giá tác động của các giải pháp

4.1.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định hiện nay

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Ưu điểm:

Việc giữ nguyên quy định hiện nay sẽ giúp ổn định về mặt pháp lý ngắn hạn, tránh được chi phí và thời gian xây dựng, ban hành các quy định mới trong giai đoạn chuyển tiếp, sắp xếp bộ máy.

Nhược điểm:

Việc giữ nguyên các quy định hiện hành sẽ dẫn đến mâu thuẫn với Nghị quyết 68/NQ-TW (2025) của Bộ Chính trị về xóa bỏ hình thức khoán thuế đối với hộ kinh doanh chậm nhất trong năm 2026 ThuvienphapluatThuvienphapluat. Điều

này tạo ra sự bất đồng trong hệ thống pháp luật khi từ 01/01/2026 sẽ chính thức bỏ thuế khoán đối với hộ kinh doanh.

Việc duy trì thuế khoán không phù hợp với xu hướng minh bạch hóa quản lý thuế theo chuẩn mực quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đặt mục tiêu kinh tế số chiếm 30% GDP vào năm 2030, đòi hỏi hệ thống quản lý thuế hiện đại và tích hợp.

Từ 01/6/2025, hộ kinh doanh có doanh thu từ 1 tỷ đồng trở lên phải sử dụng hóa đơn điện tử, tạo ra sự phân mảnh trong hệ thống quản lý khi một phần hộ kinh doanh áp dụng công nghệ hiện đại nhưng phần lớn vẫn duy trì phương thức truyền thống.

b) Tác động về kinh tế - xã hội:

Ưu điểm:

Hộ kinh doanh nhỏ không phải đầu tư vào hệ thống kế toán, hóa đơn điện tử trong thời gian đầu, giúp giảm gánh nặng tuân thủ.

Tránh gián đoạn hoạt động của các hộ kinh doanh chưa sẵn sàng chuyển đổi.

Nhược điểm:

Việc duy trì quy định sẽ dẫn đến thất thu nghiêm trọng từ hộ kinh doanh lớn. Tính đến cuối năm 2024, cả nước có khoảng 3,6 triệu hộ kinh doanh (HKD) và cá nhân kinh doanh (CNKD). Tổng thuế thu từ HKD, CNKD năm 2024 đạt gần 26 nghìn tỷ đồng. Đáng chú ý, có hơn 4.000 hộ kinh doanh có doanh thu trên 10 tỷ đồng nhưng hơn một nửa trong số này vẫn nộp thuế khoán với mức thuế rất thấp, chỉ khoảng 0,4% doanh thu, trong khi hộ kê khai phải nộp thuế lên tới 25-30% doanh thu. Điều này tạo ra sự bất công bằng và lợi thế cạnh tranh không lành mạnh. Ngoài ra, mức thuế khoán trung bình chỉ khoảng 686 nghìn đồng/tháng, thấp hơn gần 5 lần so với mức thuế kê khai trung bình 3,29 triệu đồng/tháng, tạo lợi thế cạnh tranh không lành mạnh.

So với các nước, tỷ lệ hộ kinh doanh so với dân số Việt Nam năm 2024 chỉ đạt 2,17%, thấp hơn nhiều so với Mỹ (6,88%), Canada (8,97%), Anh (8,55%), Ấn Độ (4,19%), và Thái Lan (5,63%). Việc duy trì thuế khoán không khuyến khích hộ kinh doanh phát triển và chuyển đổi thành doanh nghiệp.

Trong bối cảnh nền kinh tế số được dự báo sẽ tăng trưởng gấp 11 lần vào năm 2030, đạt 220 tỷ USD, việc không kiểm soát được doanh thu thực tế và giao dịch điện tử của hàng trăm nghìn hộ kinh doanh online sẽ gây trở ngại lớn cho quá trình chuyển đổi số quốc gia.

Việc không theo dõi được dòng tiền thực tế của 286 nghìn hộ kinh doanh có doanh thu từ 200 triệu đến dưới 1 tỷ đồng tạo rủi ro về rửa tiền, gian lận thuế và ảnh hưởng đến an ninh kinh tế.

c) Tác động về giới (nếu có): Giải pháp không có tác động về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):

Ưu điểm: Duy trì hiện trạng, không tạo thêm gánh nặng hành chính cho người nộp thuế và cơ quan thuế trong ngắn hạn.

Nhược điểm: Trong khi các nước đang áp dụng quản lý thuế điện tử toàn diện, việc duy trì thủ tục truyền thống sẽ làm giảm hiệu quả quản lý và gia tăng chi phí vận hành.

Từ 01/01/2025, cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế sẽ bị tạm hoãn xuất cảnh, nhưng việc thiếu minh bạch trong quản lý thuế khoán sẽ gây khó khăn trong việc thực thi các biện pháp này.

4.1.2. Giải pháp 2: Nhóm chính sách đổi mới phương pháp quản lý đối với doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, cụ thể như sau:

- Làm rõ địa vị pháp lý, trách nhiệm của hộ kinh doanh trong thực hiện nghĩa vụ thuế căn cứ tiêu chí doanh thu của doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để quy định phương pháp tính thuế đối với cá nhân kinh doanh có doanh thu tương đương doanh nghiệp siêu nhỏ tại luật thuế TNCN, Luật Quản lý thuế.

- Xóa quy định khoán thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và bổ sung quy định: hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh áp dụng cơ chế tự khai, tự nộp thuế theo phương pháp tính thuế trực tiếp (tỷ lệ % trên doanh thu) thống nhất với quy định của Luật thuế giá trị gia tăng³ và Luật thuế thu nhập cá nhân.

- Bổ sung quy định về mức tỷ lệ %/doanh thu tính thuế GTGT đối với hộ kinh doanh có quy mô doanh thu tương đương doanh nghiệp siêu nhỏ hoặc tương đương doanh nghiệp nhỏ và vừa để bảo đảm công bằng và khuyến khích hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chuyển sang mô hình doanh nghiệp (để được hưởng chính sách ưu đãi về thuế TNDN theo Luật thuế TNDN, Nghị quyết số 198/2025/NQ-QH). Bổ sung quy định về mức tỷ lệ %/thu nhập chịu thuế hoặc trên doanh thu tính thuế để tính thuế TNCN đối với cá nhân kinh doanh có quy mô doanh thu tương đương doanh nghiệp siêu nhỏ hoặc tương đương doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Luật thuế TNCN.

- Bổ sung quy định cơ quan thuế kiểm tra rủi ro dựa trên so sánh lĩnh vực kinh doanh/hộ kinh doanh tương tự; Dữ liệu kiểm tra của cơ quan thuế thực địa kết hợp đăng ký hộ kinh doanh, Dữ liệu từ nền tảng bán hàng, sàn thương mại điện tử (TMĐT).

³ Luật thuế giá trị gia tăng quy định “số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp theo doanh thu bằng tỷ lệ % nhân với doanh thu. Đối tượng áp dụng: hộ, cá nhân kinh doanh trừ hộ khoán”

- Bổ sung quy định trường hợp hộ kinh doanh vi phạm trong kê khai, nộp thuế, cơ quan thuế thực hiện xử phạt và ấn định thuế theo quy định của Luật QLT.

- Nghiên cứu bổ sung quy định cơ quan thuế hỗ trợ tạo lập tờ khai điền sẵn từ ứng dụng hệ thống của cơ quan thuế, gửi tờ khai điền sẵn cho người nộp thuế để kiểm tra xác nhận nghĩa vụ thuế phải nộp;

- Bổ sung quy định về chế độ kế toán và hóa đơn: Giao Chính phủ quy định chi tiết theo hướng:

+ Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 01 tỷ đồng/năm trở lên: Áp dụng chế độ kế toán đơn giản như các doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư số 88/2021/TT-BTC ngày 11/10/2021 của Bộ Tài chính; và Áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế (*đối với hộ kinh doanh bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng⁴ phải sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu đến cơ quan thuế từ ngày 01/6/2025 theo quy định tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025*) hoặc hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế.

+ Đối với các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (từ 200 triệu đồng/năm đến dưới 01 tỷ đồng/năm:

Áp dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế (*Cơ quan thuế hỗ trợ cấp hóa đơn có mã lẻ online hoặc dùng phần mềm trung gian miễn phí*) hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền nếu hộ kinh doanh có điều kiện thực hiện hoặc bill tính tiền đáp ứng điều kiện về hóa đơn điện tử hoặc hóa đơn đơn giản cho phép hộ kinh doanh lập “biên nhận bán hàng điện tử” qua app, Zalo, SMS, hoặc mẫu có mã QR theo quy định của Chính phủ (***áp dụng trong giai đoạn từ 1/1/2026 đến 31/12/2026***); Đồng thời, các hộ kinh doanh phải thực hiện lộ trình áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế.

Thực hiện sổ sách để ghi chép doanh thu thực tế phát sinh theo hướng đơn giản nhưng có đủ thông tin để xác định chính xác nghĩa vụ thuế với Nhà nước (*Chính phủ/Bộ Tài chính sẽ hướng dẫn cụ thể sổ sách ghi chép và Bộ Tài chính cần sửa đổi, bổ sung Thông tư số 88/2021/TT-BTC về chế độ kế toán đối với doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh để đơn giản mẫu biểu*).

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Ưu điểm:

Tính hợp hiến và hợp pháp: Việc sửa đổi các quy định về quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoàn toàn phù hợp với Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, yêu cầu “xóa bỏ hình thức thuế khoán đối với hộ kinh doanh chậm nhất trong năm 2026”.

⁴ Tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP quy định bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng (trung tâm thương mại; siêu thị; bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); ăn uống; nhà hàng; khách sạn; dịch vụ vận tải hành khách, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí, hoạt động chiếu phim, dịch vụ phục vụ cá nhân khác theo quy định về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam)

Giải pháp đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật khi bãi bỏ toàn bộ quy định về Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn - một cơ chế đã lạc hậu trong bối cảnh chuyển đổi số.

Tính tương thích quốc tế: Việc chuyển từ cơ chế thuế khoán sang tự khai, tự nộp giúp pháp luật thuế Việt Nam tiệm cận với chuẩn mực quốc tế theo nguyên tắc “người nộp thuế tự khai, tự nộp, tự chịu trách nhiệm”. Đặc biệt, việc áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyên dữ liệu điện tử với cơ quan thuế từ 01/6/2025 đối với các hộ có doanh thu từ 1 tỷ đồng/năm phù hợp với xu hướng quản lý thuế điện tử của các nước phát triển.

Nhược điểm: Quá trình chuyển đổi có thể tạo ra khoảng trống pháp lý trong giai đoạn tập huấn và làm quen với quy định mới. Việc yêu cầu hộ kinh doanh phải thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn có thể gây khó khăn cho những hộ có trình độ quản lý hạn chế, đặc biệt tại các vùng nông thôn, miền núi.

b) Tác động về kinh tế - xã hội:

Ưu điểm

Tác động tích cực về nguồn thu ngân sách: Theo số liệu quản lý thuế HKD đến hết tháng 12/2024, cả nước có khoảng 3,6 triệu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang được quản lý thuế, trong đó tổng số HKD ổn định là 2,2 triệu hộ. Mức thuế khoán bình quân hiện khoảng 672.000 – 700.000 đồng/tháng/hộ, trong khi mức thuế bình quân theo phương pháp kê khai là khoảng 4,6 triệu đồng/tháng/hộ, tức cao gấp gần 7 lần. Tổng thu ngân sách nhà nước từ hộ, cá nhân kinh doanh 3 tháng đầu năm 2025 ước đạt 8.695 tỷ đồng, tăng 25,7% so với cùng kỳ năm 2024. Tổng đóng góp của hộ kinh doanh vào ngân sách nhà nước năm 2024 là khoảng 25.953 tỷ đồng. Như vậy, thuế khoán vẫn là phương thức phổ biến nhất đối với hộ kinh doanh cá thể, nhưng mức thuế thu được từ phương pháp kê khai cao gấp nhiều lần so với thuế khoán. Điều này cho thấy sự chênh lệch lớn trong việc phản ánh doanh thu thực tế và nghĩa vụ thuế giữa hai hình thức này. Từ ngày 1/6/2025, hộ kinh doanh có doanh thu từ 1 tỷ đồng/năm trở lên sẽ phải chuyển sang kê khai thuế và sử dụng hóa đơn điện tử, đồng thời từ 1/1/2026, hình thức thuế khoán sẽ chính thức bị bãi bỏ để thay thế bằng phương pháp kê khai nhằm minh bạch hóa hoạt động kinh doanh và tăng hiệu quả quản lý thuế. Việc xóa bỏ hình thức thuế khoán và chuyển tất cả hộ kinh doanh sang chế độ tự khai, tự nộp thuế theo doanh thu thực tế là cần thiết nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ, hạn chế thất thu ngân sách, đặc biệt đối với các hộ có doanh thu lớn nhưng trước đây nộp thuế thấp do áp dụng mức khoán cố định. Theo đó, hộ kinh doanh sẽ phải thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế theo quy định hiện hành, sử dụng hóa đơn điện tử trong giao dịch bán hàng, dịch vụ và áp dụng hình thức sổ sách kế toán đơn giản để ghi chép doanh thu, chi phí phục vụ việc tính thuế.

Tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh: Từ 1-6, khoảng 37.000 hộ và cá nhân kinh doanh với doanh thu từ 1 tỉ đồng/năm bắt buộc phải phát hành hóa đơn điện tử qua máy tính tiền kết nối trực tiếp cơ quan thuế. Việc này thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, nâng cao tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, chi phí tuân thủ có thể dao động từ vài triệu đến hàng chục triệu đồng mỗi năm đối với các hộ kinh doanh, tạo áp lực tài chính ban đầu.

Tác động về việc làm và phát triển doanh nghiệp: Việc xóa bỏ thuế khoán không chỉ tăng minh bạch mà còn mở ra cơ hội nâng tầm hộ kinh doanh trở thành doanh nghiệp. Khi bắt buộc thực hiện theo phương pháp kê khai, hộ kinh doanh sẽ dần quen với quản trị tài chính bài bản - tiền đề quan trọng để phát triển thành doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, từ đó tiếp cận được các chính sách hỗ trợ kinh doanh theo Nghị quyết 198/2025/QH15.

Nhược điểm: Việc chuyển đổi có thể gây khó khăn cho những mô hình siêu nhỏ như quán tạp hóa trong hẻm, quán cà phê vỉa hè, người bán hàng online, đặc biệt là các hộ kinh doanh do phụ nữ, người dân tộc thiểu số, người già làm chủ với trình độ công nghệ hạn chế. Nguy cơ một số hộ kinh doanh nhỏ phải ngừng hoạt động do không đáp ứng được yêu cầu mới.

c) Tác động về giới (nếu có): Giải pháp không có tác động về giới.

d) Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):

Ưu điểm:

Đơn giản hóa thủ tục bằng việc bãi bỏ Hội đồng tư vấn thuế cấp xã và chuyển sang cơ chế tự khai, tự nộp điện tử. Điều này sẽ giảm đáng kể số lần tiếp xúc giữa người nộp thuế và cán bộ thuế, từ đó giảm thời gian và chi phí tuân thủ. Cơ quan thuế có thể hỗ trợ tối đa thông qua các ứng dụng kê khai, nộp thuế điện tử đơn giản.

Việc áp dụng tờ khai điện tử sẵn từ ứng dụng hệ thống của cơ quan thuế sẽ giảm thiểu sai sót trong kê khai và tiết kiệm thời gian cho người nộp thuế. Hệ thống hoàn thuế tự động và kết nối dữ liệu hóa đơn điện tử sẽ nâng cao hiệu quả xử lý nghiệp vụ.

Nhược điểm:

Giai đoạn đầu triển khai (2025-2026) có thể gặp tình trạng quá tải hệ thống khi hàng triệu hộ kinh doanh cùng chuyển đổi. Cần đầu tư mạnh vào hạ tầng công nghệ và đào tạo đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật. Nhiều hộ kinh doanh cũng cho biết chi phí tuân thủ để đáp ứng quy định mới có thể dao động từ vài triệu đến hàng chục triệu đồng mỗi năm, đòi hỏi các chính sách hỗ trợ tài chính phù hợp.

4.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 2, lý do: Giải pháp 2 không chỉ giải quyết triệt để những bất cập cốt lõi của cơ chế cũ mà còn kiến tạo một nền tảng phát triển bền vững cho tương lai. Bằng cách xóa bỏ hoàn toàn hình thức thuế khoán,

giải pháp này chấm dứt tình trạng bất công nghiêm trọng khi mức thuế của hộ kê khai cao hơn tới 7 lần so với hộ khoán, từ đó chống thất thu ngân sách hiệu quả từ các hộ kinh doanh lớn. Đồng thời, sự thay đổi này đảm bảo tính thống nhất và hiện đại cho hệ thống pháp luật khi tuân thủ trực tiếp yêu cầu tại Nghị quyết 68/NQ-TW và giúp Việt Nam tiệm cận với chuẩn mực quản lý thuế quốc tế. Quan trọng hơn, việc bắt buộc áp dụng hóa đơn điện tử và chế độ kế toán đơn giản sẽ là cú hích mạnh mẽ, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số và tạo tiền đề để các hộ kinh doanh làm quen với quản trị tài chính bài bản, từng bước phát triển thành doanh nghiệp và tiếp cận các chính sách hỗ trợ lớn hơn. Mặc dù quá trình chuyển đổi có thể gây ra một số khó khăn ban đầu, nhưng những lợi ích chiến lược về một môi trường kinh doanh minh bạch, công bằng và phù hợp với nền kinh tế số mà Giải pháp 2 mang lại là hoàn toàn vượt trội so với việc duy trì một cơ chế đã lạc hậu.

5. Chính sách 5: Tăng cường chức năng kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết

5.1. Đánh giá tác động

5.1.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên các quy định hiện hành

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Ưu điểm:

Duy trì tính ổn định và liên tục của hệ thống pháp luật hiện hành, tránh được chi phí thay đổi và thích ứng với quy định mới.

Không gây xáo trộn đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong ngắn hạn.

Nhược điểm:

Việc giữ nguyên quy định hiện hành không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ mới của cơ quan quản lý thuế sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết 18-NQ/TW, Kết luận 134, dẫn đến sự mâu thuẫn trong phân công nhiệm vụ và thẩm quyền.

Tạo ra những khoảng trống pháp lý trong việc kiểm tra thuế đối với các giao dịch liên kết phức tạp, đặc biệt trong bối cảnh thuế tối thiểu toàn cầu 15% đã được Việt Nam áp dụng từ năm 2024 đối với các tập đoàn đa quốc gia có doanh thu từ 750 triệu Euro.

b) Tác động về kinh tế- xã hội:

Ưu điểm: Không gây tác động đột ngột đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp FDI đã quen với quy trình hiện tại.

Nhược điểm:

Với quy mô và độ phức tạp ngày càng tăng của các giao dịch liên kết, việc không cải thiện năng lực kiểm tra sẽ làm tăng thất thu trong tương lai.

Việc không tăng cường kiểm tra sẽ tạo ra bất công trong cạnh tranh giữa

các doanh nghiệp tuân thủ pháp luật và những doanh nghiệp lợi dụng kẽ hở để trốn thuế thông qua chuyển giá.

Với mục tiêu kinh tế số của Việt Nam sẽ đạt 33 tỷ USD vào năm 2025, tăng trưởng 25% mỗi năm, việc không cải thiện khả năng kiểm tra giao dịch liên kết trong lĩnh vực số sẽ dẫn đến thất thu lớn từ các doanh nghiệp công nghệ đa quốc gia.

c) Tác động về giới (nếu có): Giải pháp không có tác động về giới

d) Tác động về thủ tục hành chính (nếu có):

Ưu điểm:

Không phát sinh thêm thủ tục hành chính mới, duy trì hiện trạng.

Nhược điểm:

Không đơn giản hóa được các thủ tục hiện có, không phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và cải cách hành chính.

Thiếu các công cụ và quy trình hiện đại để xử lý các giao dịch liên kết phức tạp trong nền kinh tế số, làm tăng gánh nặng cho cả cơ quan thuế và doanh nghiệp.

Không đáp ứng được yêu cầu tự động hóa và minh bạch trong quản lý thuế theo xu hướng số hóa nền kinh tế thế giới.

5.1.2. Giải pháp 2: Nhóm giải pháp sửa đổi, bổ sung chức năng kiểm tra thuế, bổ chức năng thanh tra thuế, cụ thể như sau:

- Rà soát, sửa đổi Luật Quản lý thuế đối với nội dung cơ quan thuế thực hiện kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế, tại cơ quan thuế bao gồm kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chuyên đề, kiểm tra theo phân tích rủi ro;

- Bổ sung tăng cường hiệu lực công tác kiểm tra thuế, bổ sung quy định Kiểm tra lại trong hoạt động kiểm tra thuế, bổ sung quy định về kiểm tra giá chuyển nhượng để bảo đảm cơ sở pháp lý để thực hiện và tăng cường tính kỷ luật trong công tác quản lý thuế; bổ sung quy định về kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí, lệ phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

a) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Ưu điểm:

- Đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thuế sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy; thống nhất với quy định tại Luật Thanh tra đang được sửa đổi, bổ sung, không tạo ra mâu thuẫn, chồng chéo đối với quy định của hệ thống pháp luật khác; đồng thời phù hợp với thông lệ quốc tế, các hiệp ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Nhược điểm: Có thể gây khó khăn trong quá trình chuyển đổi pháp lý, đòi hỏi sửa đổi đồng bộ nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Cần thời gian

để các cơ quan thực thi và người nộp thuế làm quen với thuật ngữ và quy trình mới.

b) Tác động về kinh tế- xã hội:

Ưu điểm:

Giảm đáng kể chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp khi chỉ phải chuẩn bị cho một loại hình kiểm tra thay vì hai. Dự kiến sẽ tiết kiệm được chi phí quản lý thuế cho các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Việc áp dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo trong kiểm tra thuế sẽ giúp phát hiện nhanh hơn các vi phạm, góp phần ngăn chặn, phát hiện, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về hóa đơn; quản lý thuế đối với các sản phẩm thương mại điện tử chặt chẽ.

Giúp giữ vai trò của cơ quan thuế trong việc kiểm tra, xử lý, đảm bảo tính tuân thủ của người nộp thuế trong bối cảnh không còn chức năng thanh tra.

Nhược điểm: Trong giai đoạn chuyển đổi (2025-2027), có thể xảy ra tình trạng giảm hiệu quả tạm thời do cán bộ thuế phải làm quen với quy trình mới.

c) Tác động về giới (nếu có): Giải pháp không có tác động về giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính (nếu có):

Giảm thời gian chuẩn bị hồ sơ cho doanh nghiệp khi chỉ cần chuẩn bị cho một loại hình kiểm tra

Cơ quan thuế có thể chuẩn hóa hoàn toàn quy trình kiểm tra, áp dụng đồng bộ công nghệ thông tin

Nâng cao tính dự đoán cho doanh nghiệp về chu kỳ, quy trình kiểm tra.

Thay đổi từ việc “xử phạt” (Thanh tra) sang hình thức “hỗ trợ tuân thủ” (kiểm tra).

Nhược điểm:

Việc chuyển từ thanh tra sang kiểm tra thuế có thể làm giảm tính răn đe đối với các đối tượng cố tình vi phạm nghiêm trọng. Khi cơ quan thuế chỉ còn chức năng kiểm tra với tính chất “nhẹ nhàng” hơn, một số doanh nghiệp có thể lợi dụng “khoảng trống răn đe” này để gia tăng hành vi trốn thuế, gian lận. Đặc biệt trong giai đoạn chuyển đổi 2025-2027, khi Thanh tra Chính phủ chưa xây dựng đầy đủ đội ngũ chuyên gia thuế và quy trình thanh tra chuyên sâu, có thể xuất hiện “vùng xám” trong xử lý các vi phạm phức tạp.

5.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 2, lý do: đây là bước đi tất yếu để tạo ra sự đồng bộ, thống nhất cho toàn bộ hệ thống pháp luật, chấm dứt mâu thuẫn giữa Luật Quản lý thuế với chức năng, nhiệm vụ mới của cơ quan thuế sau khi tinh gọn bộ máy theo Nghị quyết 18-NQ/TW và phù hợp với Luật Thanh tra sửa đổi. Quan trọng hơn, giải pháp này giúp lấp đầy “khoảng trống pháp lý” trong bối cảnh Việt

ing các quy định để đồng bộ với pháp luật liên quan;
 ịnh để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế;
 y định nhằm nâng cao tính công bằng, minh bạch, bình đẳng
 người nộp thuế.

li với hệ thống pháp luật:

h sách này sẽ giải quyết triệt để các xung đột, chồng chéo
 i Luật Quản lý thuế mà còn giữa Luật này với các luật quan
 doanh nghiệp, Kế toán...). Việc này tạo ra một khung pháp
 ạch và dễ tiên liệu, làm nền tảng cho sự phát triển ổn định
 doanh.

đưa các quy định về Thuế tối thiểu toàn cầu, Thỏa thuận
 xác định giá (APA)... vào luật sẽ giúp hệ thống pháp luật
 ịn với các tiêu chuẩn của OECD và thế giới. Điều này nâng
 m trong các hiệp định thương mại, tăng sức hấp dẫn đối với
 i lớn.

g nhận số định danh cá nhân là mã số thuế và quy định về
 ữ liệu, chính sách tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc cho việc
 liên từ và một hệ thống quản lý thuế dựa trên dữ liệu lớn.

ẽ tạo ra nhiều thay đổi lớn, có thể sẽ gây ra bối rối trong
 quan thuế quản lý trong việc học hỏi, tiếp thu những kiến
 i.

kinh tế - xã hội:

iúp chống thất thu thuế hiệu quả, đặc biệt trong các lĩnh vực
 ại điện tử, dịch vụ xuyên biên giới đang phát triển nhanh
 eo cách truyền thống. Về dài hạn, điều này đảm bảo nguồn
 ực bền vững hơn để đầu tư cho các mục tiêu phát triển kinh

uế minh bạch, hiện đại và công bằng sẽ hút các nhà đầu tư
 thời, khi các hành vi trốn thuế bị xử lý hiệu quả, nó sẽ tạo
 h tranh lành mạnh, nơi các doanh nghiệp làm ăn chân chính

ụng quản lý rủi ro, phần lớn các doanh nghiệp tuân thủ tốt
 m thiểu gánh nặng từ các cuộc thanh tra, kiểm tra, từ đó tiết
 phí, tập trung nguồn lực cho sản xuất kinh doanh.

các trung tâm dữ liệu, mua sắm phần mềm phân tích, đảm
 đặc biệt là đào tạo lại toàn bộ đội ngũ cán bộ thuế theo tư
 ẽ cần một nguồn lực ngân sách rất lớn trong giai đoạn đầu.

số đang phát triển mạnh
 ăn chặn nguy cơ thất thu
 công bằng. Về mặt thực
 i ro và công nghệ không
 ại lợi ích kép cho doanh
 ĩa thủ tục, và chuyển dịch
 những lo ngại về sự sụt
 ếm này hoàn toàn có thể
 ờng hiệu lực như “kiểm
 ị chặt chẽ với Thanh tra
 quy trình, mà còn là một
 bạch, công bằng và hiệu
 ập quốc tế của Việt Nam

trong công tác quản lý

ấn hạn. Các cơ quan nhà
 luật không phải cập nhật,
 này giúp tránh được các
 chuyển đổi lập pháp.

với sự phát triển của kinh
 được hiện đại hóa (ví dụ:
 n, mâu thuẫn hiện tại với
 ải quyết, tiếp tục gây khó

thời các chuẩn mực thuế
 iu. Điều này làm giảm uy
 c ngoài (nguy cơ bị đánh
 hợp tác trong các vấn đề

i ngân sách không lỗ cho
 i đội ngũ cán bộ. Doanh

Các doanh nghiệp, đặc biệt là các sàn thương mại điện tử, ngân hàng, công ty công nghệ sẽ phải đầu tư để nâng cấp hệ thống của mình nhằm đáp ứng yêu cầu kết nối, cung cấp dữ liệu theo thời gian thực hoặc định kỳ cho cơ quan thuế.

Việc tập trung một lượng dữ liệu khổng lồ về công dân và doanh nghiệp tại cơ quan thuế sẽ đẩy lên những lo ngại lớn về nguy cơ rò rỉ, lạm dụng thông tin. Thách thức lớn nhất là phải xây dựng được một cơ chế bảo mật dữ liệu ở cấp độ cao nhất và có hành lang pháp lý chặt chẽ để bảo vệ thông tin.

** Tác động về giới (nếu có):* Giải pháp không có tác động về giới.

** Tác động của thủ tục hành chính (nếu có):*

Ưu điểm: Chính sách sẽ thay đổi mô hình TTHC thành một hệ thống thông minh: tự động và đơn giản cho người tuân thủ tốt; chặt chẽ nhưng minh bạch và có lộ trình rõ ràng cho các trường hợp phức tạp. Điều này giúp nâng cao đáng kể sự hài lòng và hiệu quả.

Các TTHC mới cho phép NNT thực hiện các quyền của mình một cách chủ động (ví dụ: quyền được lựa chọn khoản thuế để nộp, quyền yêu cầu công nhận tuân thủ tốt). Điều này thay đổi mối quan hệ giữa cơ quan thuế và NNT từ quản lý - bị quản lý sang quan hệ đối tác, phục vụ.

Nhược điểm: Hệ thống mới, dù ưu việt hơn, nhưng cũng phức tạp hơn về mặt khái niệm và thao tác ban đầu. Cả người nộp thuế và chính cán bộ thuế sẽ cần thời gian để học hỏi, thích ứng. Nếu giai đoạn chuyển đổi không được truyền thông và hướng dẫn tốt, nó có thể gây ra sự nhầm lẫn, sai sót và bức xúc ban đầu.

Việc phân loại rủi ro và ra quyết định tự động dựa trên thuật toán tiềm ẩn nguy cơ sai sót hoặc thiên vị nếu dữ liệu đầu vào không chính xác hoặc thuật toán không được thiết kế tốt. Thách thức là phải xây dựng cơ chế giám sát, kiểm tra và phúc đáp đối với các quyết định của máy tính để đảm bảo sự công bằng tuyệt đối.

6.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn

Bộ Tài chính lựa chọn Giải pháp 2, lý do: đây là một yêu cầu tất yếu và mang tính chiến lược, vượt xa việc sửa chữa các vấn đề đơn lẻ. Thay vì chấp nhận một hệ thống pháp luật ngày càng lạc hậu, gây thất thu ngân sách và làm giảm sức cạnh tranh quốc gia như Giải pháp 1, Giải pháp 2 kiến tạo một nền tảng quản lý thuế hoàn toàn mới: hiện đại, minh bạch, công bằng và tương thích với các chuẩn mực quốc tế. Việc này không chỉ giải quyết triệt để các xung đột pháp lý hiện tại và bịt các lỗ hổng thuế trong nền kinh tế số, mà còn tạo ra một môi trường kinh doanh lành mạnh, thu hút các nhà đầu tư chất lượng cao và chuyển đổi mối quan hệ giữa cơ quan thuế và người nộp thuế thành quan hệ đối tác phục vụ. Dù có những thách thức về chi phí và sự thích ứng trong giai đoạn đầu, đây là sự đầu tư mang tính nền tảng để đảm bảo nguồn thu bền vững, nâng cao vị thế quốc gia và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trong dài hạn.

III. KẾT LUẬN

Những nội dung sửa đổi tại Luật Quản lý Thuế nhằm mục đích thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về cải cách hệ thống quản lý thuế, đáp ứng những yêu cầu thực tiễn, phát sinh vướng mắc bất cập trong quá trình quản lý thuế hiện hành, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật. Đáp ứng với các yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, đảm bảo phù hợp xu hướng phát triển công nghệ số, trí tuệ nhân tạo vào hoạt động quản lý thuế, giúp giảm các thủ tục hành chính, giảm đầu mối quản lý đối với cơ quan thuế cũng như người nộp thuế.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Quản lý Thuế (thay thế)./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Các Phó TTCP (để b/cáo);
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn